



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISÁ #: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

HO # : 17

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN MINH HOAN
Last Middle First

Current Address: 212 F Ap An Thanh A - My Thanh An - Thua Bui

Date of Birth: 01-11-1937 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-24-75 To 09-10-1981
Years: 06 Months: 03 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>CONRADO NGUYEN THI KIM NGOC</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

GENERAL ASSOCIATION OF FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNISTS

Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam

P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL: (714) 834-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị

(Two Copies)

IV. # _____
VEWL. # _____
H171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các trại Cải tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name (Family name, middle, first): NGUYỄN-MINH-HOÀN
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex: M DOB: 11 / 01 / 1937 Place of Birth: SAIGON
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)

3. Last position/Rank, Agency/Unit: CAPTAIN - G3 AIR TASE Joint General Staff (J.G.S)
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST

(Giám giữ)

1. Date & Place of Arrest: 24 June 1975, TRẦN-HOÀNG - QUÂN SAIGON
(Ngày & địa điểm bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Liên Đoàn 5 Công Binh Liên Tào (Thành Ông Năm Hóc Môn)
(Tên địa điểm các trại giam) Long - Quân (Long Khanh) - Trại 4 Hoàng Kim Sơn - Trại 2 Xá Tích Lộc - Trại 3 Tân 3. U Minh

3. Date of release or still in camps: Date of release 10 September 1981
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married
(Đã gả hay còn độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children NGUYỄN-THỊ-HOÀ (wife) NGUYỄN-THỊ-TÔ-ÁI (daughter) NGUYỄN-MINH-TRÍ (son)
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con) NGUYỄN-THỊ-TÔ-MỸ (daughter)

NGUYỄN-MINH-NHÂN (son) NGUYỄN-THIỆN-HƯỜNG (daughter) NGUYỄN-THỊ-TÔ-UYÊN (daughter) NGUYỄN-MỸ-THÀNH (son)

3. Address of family: NGUYỄN-MINH-HOÀN 212 FÁP AN-Thanh A, xã MỸ-THANH-HẠN, THỊ XÃ BẾN TRE
(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: KIM-NGOC-THI CONRADO
(Họ & tên)

Occupation

(Nghề nghiệp)

2. Address and phone number: KIM-NGOC-THI CONRADO
(Địa chỉ và điện thoại) Home TL

3. Relationship with detainee: NIECE
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in U.S.A.:
(Tình trạng cư trú)

Permanent Resident ☐

U.S. Citizen ☒

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?)

Yes ☐ No ☐

KIM-NGOC-THI CONRADO

Date: _____
(Ngày, tháng, năm)

Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

(Certificate of Release)

NGUYỄN-MINH-HOÀN



NATIONAL OFFICE

IMMIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 Massachusetts Avenue, N.W. • Washington D.C. 20005

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF GALVESTON - HOUSTON

INITIAL AOR.....	[]
UPDATED/CORR.....	[]
ORIGINAL TO ODP.....	[]
COPY TO USCC NY.....	[]
FILE - USCC HOU.....	[]

- USCC II

- ODP IV

SECTION I

Your name : Mr./Mrs. CONRADO NGUYEN THI KIM NGOC Phone (W)

(Family) (Middle) (Given)

Your Address : KIM NGOC THI CONRADO B9, 118

Number Street County/City State Zip Code

Date of Birth : 04/02/1951 Place of Birth : NHI-MY MYTHO S.VN Nationality :

Date of Entry to U.S. : June 02/1972 From (Camp/Country) : South Viet Nam Volog :

Alien Registration Number : A- Social Security Number :

Legal Status : Paroled [] Permanent Resident [] U.S. Citizen [x] (Check one)

Naturalization Certificate No. (If applicable) : N/A 10555991

SECTION II

I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States under the Orderly Departure Program (ODP).

A copy of my [] I-84 (both sides) [] I-151 or [] I-551 is attached.

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting the Affidavit : Yes [] No []. If yes, date submitted : and date approved of visa petition :

FULL NAME	DATE & PLACE OF BIRTH	REL TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
1. <u>Nguyen-minh-Hoan</u>	<u>11-01-1937 Saigon S. Viet Nam</u>	<u>uncle</u>	<u>22 Fap An Thuan A. My Thanh</u>
2. <u>Nguyen-thu-Hoa</u>	<u>17-03-1943 Ben Tre S. Viet Nam</u>		<u>- n.t -</u>
3. <u>Nguyen-thi To An</u>	<u>14-01-1963 Kien Hoa S. Viet Nam</u>		
4. <u>Nguyen-minh-Tri</u>	<u>23-01-1965 Kien-Hoa S. Viet Nam</u>		
5. <u>Nguyen-thi To My</u>	<u>13-02-1968 Binh Dinh S. VN</u>		
6. <u>Nguyen-minh-Nhan</u>	<u>29-11-1969 Binh-Dinh S. VN</u>		
7. <u>Nguyen-Thien-Huong</u>	<u>10-12-1971 Dinh-Huong S. VN</u>		
8. <u>Nguyen-thi TO-UYEN</u>	<u>14-04-1973 Phu Nhuan S. VN</u>		
9. <u>Nguyen-minh-Thanh</u>	<u>12-09-1974 Phu Nhuan S. VN</u>		
10. <u>Bé Xau Chau noi ngoai</u>			
1. <u>Nguyen-van-Hung</u>	<u>05-09-1961 Binh Xuyen S. VN</u>		
2. <u>Nguyen-thi Phuong-Thanh</u>	<u>1988 Ben Tre S. VN</u>		
3. <u>Nguyen-thanh-Thuy</u>	<u>1967 Kien Hoa S. VN</u>		
4. <u>Nguyen-minh-Tai</u>	<u>09-08-1990 Ben Tre S. VN</u>		
5. <u>Truong-Tuan-Kiet</u>			<u>Tuy Dinh</u>
6. <u>Tran-thi-Thuy-Ha</u>	<u>15-05-1969 Kien-Hoa S. VN</u>		
7. <u>Nguyen-minh-Hieu</u>	<u>16-04-1984 Ben Tre S. VN</u>		

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees; persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoners; or American, please complete the information in Section III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the United States as a former U.S. Government employee or close associate to the U.S.

Name of Principal Applicant	Date & Place of Birth	Relationship	Address in Vietnam
NGUYEN - MINH HOAN	11.01.1937 SAIGON	uncle	

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Applicant)

U.S. Government Agency The 4th famous Infantry Division (Peky) Last Title/Grade First Lieutenant

Name/Position of Supervisor Colonel Martin G5 Commander /

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION :

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation : Civic Action team

Last Title/Grade : First Lieutenant Name/Position of Supervisor Captain Wilson

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT :

Ministry or Military Unit G3 AIR TASE TAN SON NHAT Last Title/Grade CAPTAIN

Name/Position of Supervisor General Tran Dinh Tho /

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERVIEWED IN RE-EDUCATION CAMP :

Was time spent in Re-education camp? Yes [] No [] Date : From 24 June 1975 To 10 September 1981

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP :

School The United States Army Armor School (Fort Knox) Location Kentucky

Type of Degree or Certificate : DIPLOMA

Date of Employment or Training : From _____ to 12 August 1970

ASIAN-AMERICANS : Single [] Married [] Male [] Female []

Full name of the Mother _____ Address _____

Full name of the U.S. Citizen Father (if known) _____

His current address _____

SECTION IV

NAMES OF DEPENDENTS/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	REL. TO PA

ADDITIONAL INFORMATION :

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

KIM NGOC THI CONRADO

Subscribed and sworn to before me
this _____ day of _____, 10

Your Signature

Date:

Month:

Year:

A. Basic Identification Data

1. 1. Lịch Cầu-Liên

1. Name

Họ, tên

NGUYỄN-MINH-HOÀN Social Number: 57/183,523

2. Other Names

Họ, tên khác

3. Date/Place of Birth

Ngày/tháng/năm sinh

11 January 1937 at Saigon

4. Residence Address

Địa chỉ thường trú

242 F Ap An Thanh A, Xã Mỹ Thạnh An, thị xã BẾN-TRÉ

5. Mailing Address

Địa chỉ thư từ

288/20 Hòa Hảo Street Chi Hòa, Phường 23, Quận 10, HỒ-CHÍ-MINH CITY

6. Current Occupation

Nghe Nghiệp

The 5th Construction Engineer, English professor, political and physical officer, civic action officer of the 4th U.S. Infantry Division, escort officer and translator of the Asian parliament union (A.P.U.), tactical Air

B. Relative To Accompany

Bà Con cùng đi với tôi

and Navy Support Element Captain of the Joint-General staff (JGS - J.G.S.)

NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (M) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Không phải tình trạng gia-dinh như sau: đã lập gia-dinh (M), đã ly dị (D), góa-phụ/góa-thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name	Date of Birth	Place of Birth	Sex	Marital Status	Relationship
Họ, tên	Ngày/tháng/năm sinh	Nơi sinh	Giới tính (Nam/Nữ)	Liên-hệ (Gia-dinh)	Liên-hệ (Gia-dinh)
1. NGUYỄN-THỊ-HOÀ	17.03.1943	KIẾN-HÒA	F	Married	WIFE
2. NGUYỄN-THỊ-TỎ-ÁI	14.01.1963	KIẾN-HÒA	F	Single	Daughter
3. NGUYỄN-MINH-TRÍ	23.01.1965	KIẾN-HÒA	M	S	Son
4. NGUYỄN-THỊ-TỎ-MỸ	13.02.1968	QUI-NHON	F	S	Daughter
5. NGUYỄN-MINH-NHÂN	29.11.1969	QUI-NHON	M	S	Son
6. NGUYỄN-THỊ-TỎ-UYÊN	14.04.1973	GIA-ĐÌNH	F	S	Daughter
7. NGUYỄN-MINH-THÀNH	12.09.1974	Phước Nhuận	M	S	Daughter

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificates (if widowed), identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section C below.

(Chú ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản rõ ràng, chính xác (nếu lập gia-dinh rồi), giấy ly-hôn (nếu đã ly-dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa-phụ/góa-thê), thẻ căn-cước (nếu có), và hình ảnh của họ cùng đi với bạn những chúng may với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần C.)

C. Relatives Outside Vietnam

Họ hàng ở Ngoại-quốc

1. Closest Relative in the U.S.

Bà Con Thân-Thuộc ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, tên

NGUYỄN-ĐẮC

b. Relationship

Liên-hệ (Gia-dinh)

brother

c. Address

Địa-chỉ

New Telephone number:

P.O. Box:

Telephone (if any):

Foreign relative in other foreign countries
 Con thân thuộc khác ở các nước khác

a. Name
 Họ, tên: Mrs. NGUYEN - THI TO - NGA

b. Relationship
 Liên-hệ gia-cình: Niece

c. Address
 Địa-chỉ: 4 Allée d'Anjou 91,300 MASSY, FRANCE

D. Complete Family Listing (Living/Dead)
 Danh-sách Toàn thể gia-cình (Sống/Chết)

Name, họ, tên

Address, Địa-chỉ

1. Father
 Cha: NGUYEN - VAN - THOI (dead) 288/20 Hoa Hung Chi Hoa P.23 Q.10
 HS - Chi - Minh City

2. Mother
 Mẹ: NGUYEN - THI - YEN (dead) 292/20 Hoa Hung Chi Hoa P.23 Q.10
 HS - Chi - Minh City

3. Spouse
 Vợ/Chồng: NGUYEN - MINH - HOAN (husband) NGUYEN - THI - HOA (WIFE)

4. Former spouse (if any)
 Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
 Con cái:

- (1) NGUYEN - THI TO - AI
- (2) NGUYEN - MINH - TRI
- (3) NGUYEN - THI TO - MY
- (4) NGUYEN - MINH - NHAN
- (5) NGUYEN - THI TO - UYEN
- (6) NGUYEN - MINH - THANH
- (7)
- (8)
- (9)
- (10)

6. Siblings

- Anh/Chị/Em:
- (1) NGUYEN - VAN - NIEN (dead)
 - (2) NGUYEN - VAN - COI (dead)
 - (3) NGUYEN - VAN - THAM (dead)
 - (4) NGUYEN - PHU - DA (living)
 - (5) NGUYEN - MINH - DAT (living)
 - (6) NGUYEN - KIEM - DINH (living)
 - (7) NGUYEN - MINH - SANG (living)
 - (8) NGUYEN - KIEM - THUNG (living)
 - (9) NGUYEN - MINH - DAC (living)
 - (10)

E. Employment by U.S. Government, agencies or other U.S. organizations or
 You or Your Spouse.

Đảm-hoặc Vợ/chồng đã có làm việc cho các cơ quan chính phủ Mỹ hoặc các cơ quan khác.

1. Name of person employed
 Họ tên nhân-viên: NGUYEN - MINH - HOAN

2. Dates Ngày, Tháng, Năm	From Từ	To Đến
1	1968	1969
2	1971	1973
3	1973	1974
4	1974	30-04-1975

3. Title of (Last) Positions Held

Chức-Vụ Công-Việc

- 1 Civic action officer of the 4th U.S. Infantry Division
- 2 Escort officer and translator of the Asian Parliament Union (A.P.U.)
- 3 Tactical Air and Navy Support Captain of the Joint General Staff
- 4 Alo fact liaison officer at Phu Cat Airfield (Quận Nhon)

4. Agency/Company/Office

Sở/Hàng/Văn-phòng

- 1 45 and 6A, team of the 4th U.S. Infantry Division (Hải Phòng, Pleiku)
- 2 Ha - ng - u - vien Viet Nam Cong Hoa
- 3 53 (J.G.S.) and Air Support Element of the 7th U.S. Air Force
- 4 Phòng liên lạc Lục Quân (Cửu Cơ Bộ) Plei Trung Plei Cat

5. Name of (Last) Supervisor

Tên-Họ Người Giám-Thị

- 1 Cpt Wilson and Lt. Balonon, Major Coyle and Col. Martini G-5
- 2 Thiệu-Ta Quang
- 3 Trung Tá Nguyễn-bích-Côn, Col. Barley
- 4 Đại-Ta Nguyễn-hồng-Tuyền

6. Reason for Leaving

Lý-Do ra đi

- 1 I beg you to enlist my family in orderly Departure
- 2 program, because I were a former officer in the
- 3 Republic of Vietnam Army.
- 4

7. Training for Job in Vietnam

Cửu Cơ Bộ binh (Trung tâm huấn luyện Quang Trung)
 Nghề-Nghiệp Huấn-Luyện Tại Việt-Nam: Công-Binh (Trường Công Binh Binh Duong)
 Sĩ-Quan Lặc-Chiến (Trường Bộ Binh Thủ Đức), Sĩ-Quan Chiến tranh Chính Trị (Trường Đại
 Học Chiến-Tranh Chính-Tư Đà-Lạt)

P. Service with GVN or RVNAF by You or Your Spouse.

Ban Hoà Vê/Chồng Da Công-Vũ Vợ Chính-Thư Việt-Nam.

1. Name of Person Serving

Họ-Tên Người Tham Gia:

NGUYỄN-MINH-HOÀN

2. Dates

Ngày, Tháng, Năm

From

1962

To

30-04-1975

Từ

Đến

3. Last Rank

Cấp Bậc Cuối Cùng:

CAPTAIN

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Dân-Vệ/Binh-Chiến

Tactical Air and Navy Support G3 (J.G.S.)

Tactical Air Element of the 7th U.S. Air Force

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ-Tên Người Giám-Thị/Sĩ-Br, Gen.

Lt. Col. Nguyễn-bích-Côn (Commander in chief)

Trần-đình-Tho (Commander J3/J.G.S.)

Quan Chỉ-Huy:

Col. Barley, Commander, Tactical element of the 7th U.S. Air Force

6. Reason for Leaving

Lý Do ra đi:

I beg you to enlist my family in orderly Departure Program, because I were a former officer in the Republic of Vietnam Army

7. Name of American Advisor (S)

Họ-Tên Cố-Vấn Mỹ:

COL. BARLEY.

8. U.S. Training Courses in Vietnam

Chương-Trình Huấn-Luyện Hoa-hỹ

close Air Support course Biên Hòa

Tại Việt-Nam:

9. U.S. Awards or Certificates

Giấy Đán Khen Hạng Chứng-Chỉ

The Special Officer Leadership Course given at

Fort Knox, Kentucky this 12th day of August 1970 (AF The U.S. Army Armor School).

(NOTE: Please attach any copies of Diplomas, Awards or Certificates, if available. Available? Yes ☒ No ☐)

(Chú-ý: Đính-kính kèm theo Bút Cờ Văn-Hạng, Giấy Đán-Khen, Hạng Chứng-Chỉ Nếu Có? Đính-kính có không? Có ☒ Không ☐)

Mail This Form To: Orderly Departure Program Office
Bangkok Building
127 Sathorn Sai Road
Bangkok 10120, Thailand.

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 6044 - XC
 Cấp cho Nguyễn Thị Tố Uyên
 Công với 1 trẻ em
 Đến nước: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ
 Qua cửa khẩu: Cửa Lớn Hải Phòng
 Trước ngày 10.3.1991
 Hà Nội ngày 10 tháng 9 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
 Trưởng phòng

(Signature)

Trần Thanh

Họ và tên — Full name

NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN

Ngày sinh — Date of birth

1973

Nơi sinh — Place of birth

T. Hồ Chí Minh

Chỗ ở — Domicile

Bến Tre

Nghề nghiệp — Occupation

/

Chiều cao — Height

Vết tích đặc biệt khác — Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
 Photo and signature of the passport bearer

(Signature)

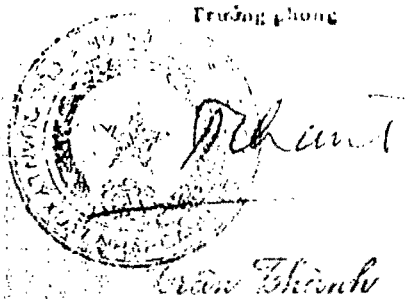
Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
 i.e: passport is valid up to

10.9.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
 This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC HUỐC
ALL COUNTRIES

Cấp tại *Hà Nội* ngày *10* tháng *9* năm 19*90*
 Issued at on năm 19*90*
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
 Trưởng phòng



TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
 CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

2

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

3

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
 chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
 chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
 và các nước cho phép người mang hộ
 chiếu này được đi lại dễ dàng và được
 tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the
 Socialist Republic of Vietnam requests
 the competent authorities of Vietnam and
 of other countries to allow this passport
 bearer to pass freely and afford assistance
 and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
 N° PT 60.211/20-ĐP1

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 60213-XC

Cấp cho Nguyễn Minh Thành

Cùng với 1/1 trẻ em

Đến nước: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu: Cửa Sơn Nhút

Trước ngày 10.3.1994

Hà Nội ngày 10 tháng 4 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Đã cấp

Trần Thành

2

Họ và tên Full name

NGUYỄN MINH THÀNH

Ngày sinh Date of birth

1974

Nơi sinh Place of birth

TP. Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

Bến Tre

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Trần Thành

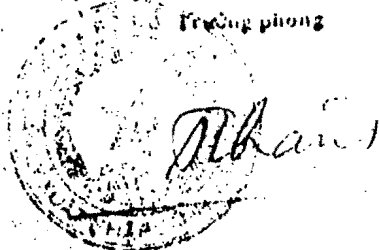
4
Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

10.9.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 10 tháng 9 năm 1990
Issued at on
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng



Trần Thành

5
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

1

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

2

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

3

Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N° PT 60.213/90-Đ1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 60209/90 ĐC1

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

10.9.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

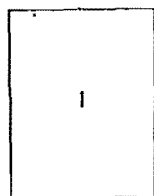
TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại *Hà Nội* ngày *10* tháng *9* năm *1990*
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng



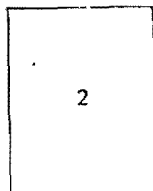
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

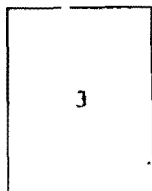
Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

NGUYỄN MINH NHÂN

Ngày sinh Date of birth

1969

Nơi sinh Place of birth

Bình Định

Chỗ ở Domicile

Bến Tre

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

[Handwritten signature]

BỊ CHÚ — REMARKS

THỰC THỰC — VISAS

THỰC THỰC XUẤT CẢNH

Số: 60209 - XC

Cấp cho Nguyễn Minh Nhân

Cùng với 01 trẻ em

Đến nước: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu: Sân Tân Nhất

Trước ngày: 10.3.1991

Hà Nội ngày 10 tháng 9 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



[Handwritten signature]

Trần Thành

Họ và tên Full name

NGUYỄN THỊ HOA

Ngày sinh Date of birth

1943

Nơi sinh Place of birth

Bến Tre

Chỗ ở Domicile

Bến Tre

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

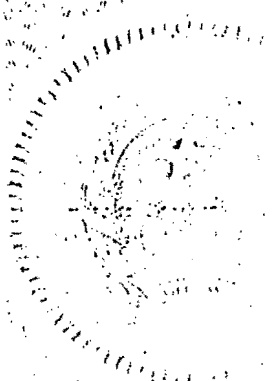
Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hoa

BỊ CHỮ — REMARKS



THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số: 60207-XC

Cấp cho: Bà Nguyễn Thị Hoa

Cùng với: / Anh em

Đến nước: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu: Tân Sơn Nhất

Trước ngày: 10.3.1991

Hà Nội ngày 10 tháng 3 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Phạm

Trần Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N° PT 60207/90-Đ1

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

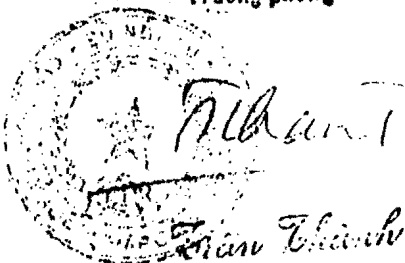
10-9-1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

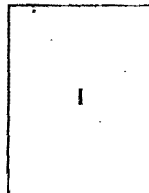
Cấp tại Hà Nội ngày 10 tháng 9 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng



5

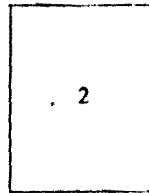
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

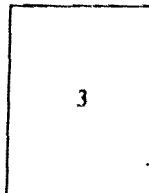
Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

NGUYỄN MINH HOÀN

Ngày sinh Date of birth

1937

Nơi sinh Place of birth

TP. Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

Điền Tre

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Signature

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 60205-XC

Cấp cho ông Nguyễn Minh Hoàn

Cùng với /

Đến nước: Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Qua cửa khẩu: Tân Sơn Nhất

Trước ngày 10.3.1991

Hết hạn ngày 10 tháng 4 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Trần Thành

Trần Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 60.205/90-DC1

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

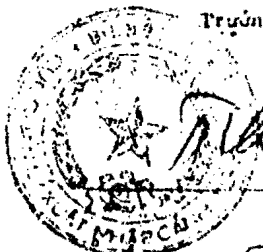
10.9.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 10 tháng 9 năm 1990
Issued at on

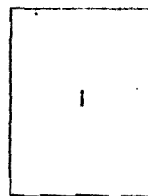
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng



Trần Thành

5

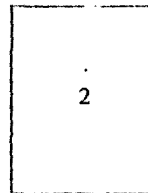
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

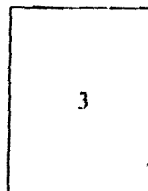
Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

GIẤY CHỨNG-CHỈ CƯ-TRÚ

Tôi : Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-chánh
Xã : Phước-Lộc Quận Tuy-P. Tỉnh Bình-Dịnh
Chứng-nhận rằng gia-dình Ông : NGUYỄN-MINH-HOAN
Hôn-thú Số : 878 Làm tại : An-hội, Kiến-Nôa .
Ngày : 16 Tháng 02 Năm 1962 .
Tùng-sự tại : KBC, 4.061
Gồm có : 01 vợ và 08 Con .

Vợ Tên là : NGUYỄN-THỊ-HOÀ, Cưới Ngày 16/02/1962.

Sanh Ngày : 17 Tháng 02 Năm 1943, Tại Làng An-hội

Con thứ nhất tên là : NGUYỄN-THỊ-TỐ-ÁI Sanh Ngày 14/01/1963.

Con thứ Hai tên là : NGUYỄN-MINH-TRÍ - - 23/01/1965.

Con thứ Ba tên là : NGUYỄN-MINH-DŨNG - - 05/02/1967.

Con Thứ tư tên là : NGUYỄN-TH-TỐ-MỸ - - 13/02/1968.

Con Thứ Năm tên là : NGUYỄN-MINH-NHÂN - - 29/11/1969.

Con Thứ Sáu tên là : NGUYỄN-THIÊN-HƯƠNG .10/12/1971.

Con Thứ Bảy tên là : NGUYỄN-THỊ-TÔ-UYÊN .14/04/1973.

Con Thứ Tám tên là : NGUYỄN-MINH-THÀNH .12/09/1974.

Hiện đang cư-trú tại nhà số : . . . Đường Quốc-lộ số 1
Xã Phước-Lộc Ấp Phong-Tấn Thuộc Xã chúng tôi .

Phước-Lộc, Ngày 01 Tháng 03 Năm 1970.

Chứng-Thực :

CHỦ-TỊCH ỦY-BAN HÀNH-CHÁNH
XÃ PHƯỚC-LỘC

Chủ Ký của Ông :

Là Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Chánh Xã
Phước-Lộc

TUY-PHƯỚC, NGÀY THÁNG 03 NĂM 1970.

BỘ QUỐC VŨ
TRẠI VĨNH QUANG
Số _____/QT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc
- 664443 -

21/09/27/01

SỐ HẠO 0026 - 76 - 0943-2

QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Theo Thông Tư số 966BCA/T ngày 31/5/1961 của Bộ Quốc Vĩ
chỉ hành quyết định tha số 121 ngày 14/8/61 của Bộ Vĩ tại cơ này
tha anh có tên sau

- Họ và tên : Nguyễn Minh Hoàn
- Sinh năm : 1939
- Sinh quán : Cay Lậy, Mỹ Tho
- Trú quán : 280/20 Hòa Hưng Chi Hòa Quận 10
: TP Hồ Chí Minh.
- Cấp bậc : Đại úy - Bộ T.T.N.
- Trình diện ngày : 24/6/75, án phạt T.T.N.

Theo quyết định số 9 ngày 10 tháng 10 năm 1976 của Bộ Quốc Vĩ
đay tha vô cư trú tại : 242 ấp An Thạnh Xã Mỹ Thạnh An Hảo Trại.

Nhận xét quá trình cải tạo

- Tư tưởng : vào trại xác định được tội lỗi của bản thân
yên tâm cải tạo, tin tưởng vào chính sách giáo dục của Đảng
chưa có biểu hiện gì xấu.

- Lao động : đảm bảo ngày công và mức khoán của trại.
- Học tập : tham gia đều đặn
- Nội quy : còn sai phạm thường xuyên, gần đây cần bộ
giáo dục Hoàn đã sửa chữa được.

Kết loại cải tạo : Kém

Chữ ký người
được cấp giấy

Nguyễn Minh Hoàn

Ngày 10 tháng 9 năm 1976

Phó Giám Trại

Thượng úy Vũ Hữu Thọ

Lên tay người trả phải
của Nguyễn Minh Hoàn
danh bản số 3060 quân
pháp

(Chữ ký)

Xác nhận

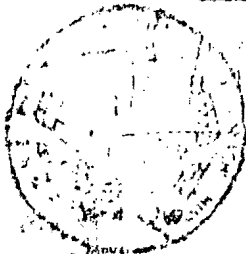
Nguyễn Minh Hoàn có tên
trình giấy ra trại tại

CA Xã

huyện Vĩnh Ngọc

ngày 10 tháng 01 năm 1963

// A O Y



Căn cứ theo Quyết định số 121/QĐ ngày
14.08.61, Anh Nguyễn Minh Hoàn được
thả vô 208/20 Hòa Hưng chỉ huy. Quân
phủ Hồ Chí Minh.

Ngày tháng năm 1963
Trưởng Ban Chỉ huy CA

417

10/10/1991

2/12/91

#79214

17/5/88 BS

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 746/XC

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi: Ông Nguyễn Minh Hoàn

Hiện ở: 212 An Thạnh A Mỹ Thạnh An Bến Tre

1/ Chúng tôi đồng ý cho Ông cùng 04 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp 05 hộ chiếu cho gia đình, số:

60205 đến 60213 / 90 PL

(Gửi kèm theo)

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số 117 chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để Ông yên tâm.



Nguyễn Văn...

VIỆT NAM DỘNG HOA
ĐO QUÂN DỘNG
ĐO TÊN DỘNG
CỘNG LỰC VIỆT NAM DỘNG HOA

TỔNG QUÂN DỘNG
TRƯỞNG QUÂN DỘNG
CỘNG LỰC VIỆT NAM DỘNG HOA

B A N G - T Ó T - N G H I Ệ P

Chiếu Sắc-Lệnh số 48/SL/CP ngày 19 tháng 3 năm 1966
Chiếu Nghị-Dịnh số 31/CP/NĐ ngày 24 tháng 4 năm 1967

C H Ỉ - H U Y - T R Ư Ờ N G

TRƯỜNG ĐẠI - HỌC CHIẾN - TRANH CHÍNH - TRỊ

CHỨNG NHẬN : Thiệu-Ủy NGUYỄN MINH HOÀN Số. 57/196.523.

ĐÃ THEO HỌC CÓ KẾT QUẢ

Khóa IV Căn Bản Chiến Tranh Chính Trị

TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHIẾN TRANH CHÍNH TRỊ VÀ CẤP VỚI A. C

TÓT NGHIỆP NÀY ĐỂ CHẤP CHẾU TIỀN DUNG .

KHC. 4.648, ngày 19 tháng 10 năm 1971

Hải Quân Đại-Tá LUY PHONG TÀI
(Ký tên và dấu)

Hành. 26-4-1971/43 B

ĐO TỔNG THAM MƯU CÁN
PHONG ĐA

S A O - Y

KHC. 4.002, ngày 26 tháng 4 năm 1971

TL. Đại-Tá LUY PHONG TÀI
Trưởng Bộ Chỉ HUY
Thiếu-Tá LUY PHONG TÀI
Trưởng Ban Chỉ HUY (CH)
Trung-Ủy LUY PHONG TÀI
Sĩ-Quân LUY PHONG TÀI



TRÍ

NHÂN

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA



TỔNG-THAM-TRANH CHÍNH-TRỊ
TRƯỞNG ĐẠI-HỌC
CHIẾN-TRANH CHÍNH-TRỊ

SỐ: 12

BẰNG TỐT NGHIỆP

Chiếu sắc lệnh số 51SLQP ngày 18 tháng 3 năm 1966
Chiếu nghị định số 511CPND ngày 24 tháng 1 năm 1967

CHỈ-HUY-TRƯỞNG

TRƯỞNG ĐẠI-HỌC CHIẾN-TRANH CHÍNH-TRỊ

CHỨNG NHẬN: *Chức vụ*

Nguyễn Minh Hoàn 50.57/123.523

ĐÃ THEO HỌC CÓ KẾT QUẢ KHỎA.

Khoá IV Lớp: Dẫn Chiến tranh Chánh trị

TẠI TRƯỞNG ĐẠI-HỌC CHIẾN-TRANH CHÍNH-TRỊ VÀ CẤP
VĂN-BẰNG TỐT-NGHIỆP NÀY ĐỂ CHẤP-CHIẾU TIỆN-DỤNG

KT 4618 ngày 19 tháng 10 năm 1968



DUNG

THANH

THE UNITED STATES ARMY
ARMOR SCHOOL

---000---

TO ALL WHO SHALL SEE THESE PRESENTS GREETINGS.

BE IT KNOWN that, First Lieutenant NGUYEN MINH HOAN

Having completed

the Special Officer Leadership Course at

US ARMY ARMOR SCHOOL and having achieved

the prescribed grade has been declared a

GRADUATE

IN TESTIMONY WHEREOF, and by authority vested in us, we do confer upon
him this.

DIPLOMA

GIVEN AT FORT KNOX, KENTUCKY THIS 12 th DAY OF August 1970

James I. Galloway
Brigadier General, US Army
Assistant Commandant

Richard J. Libby
Major General, US Army Commandant

ATTEST : James A. Simon
Lieutenant Colonel, Armor
Secretary.

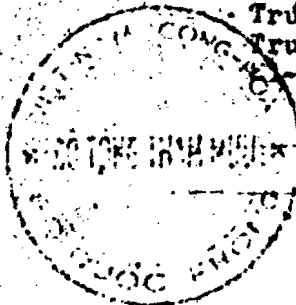
Ref. 26-4-71/05 b

BO TONG THAM MUU CLYNN
PHONG BA

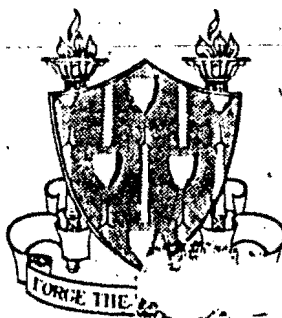
S 3 0 - Y .

KBC. 4.002, ngày 26 Th.4. 1971

T. Đại Tá TRẦN BÌNH THỌ
Trưởng Phòng 3/Bộ TH
Thiếu Tá VAI THUY
Trưởng Ban Hành Chính (CX)
Trung Úy NGUYỄN VĂN LUY
Quản Phụ-Ta



The United States Army Armor School



Know ye by these presents that

First Lieutenant Nguyen Minh Hoan

has been presented the

**US ARMY ARMOR SCHOOL
ALLIED STUDENT EMBLEM**

and is authorized to wear it.

subject to uniform regulations of his own government

In testimony whereof, and by authority vested in us, We do confer this attestation

Given at Fort Knox, Kentucky, this 12th day of August 1970

William K. Salama

Chief, Allied Liaison
Major, Armor

James L. Warner
Lieutenant Colonel, Armor
Secretary





NGUYEN-MINH-HOAN
at Fort Knox The United States
Army Armor School (Kentucky)
attended Special Leadership Course
1970

Wane

CỘNG HÒA
HAI MIỀN
KIẾN - HOÀ
QUẬN TRÚC-GIANG
XA AN - HỘI

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THƯ

Số hiệu: I8-

Tên, họ người chồng... Nguyễn-Minh-Hoàn

nghề - nghiệp... Dạy-học

sinh ngày... II... tháng... I... năm... 1937

tạ... 131 Rue Chasseloup Laubat Sài-Gòn

cư-sở tại... 288/20 Đường Hoà-Hung Quận III Sài Gòn

tạm-tru tại... XXXXXXXXXXXXXXX

Tên, họ cha... Nguyễn-văn-Thời

Tên, họ mẹ chồng... Nguyễn-thị-Yến

Tên, họ người vợ... Nguyễn-thị-Hoa

nghề - nghiệp... Giáo-viên

sinh ngày... I7... tháng... 3... năm... 1943

tại... An-hội Bến-tre

cư-sở tại... ấp An-thuận An-hội Kiến-hoà

tạm-tru tại... XXXXXXXXXXXXXXX

Tên, họ cha vợ... Bùi-văn-Hai (chết)

Tên, họ mẹ vợ... Nguyễn-thị-Rốt

— Ngày cưới... 16 Tháng 2 Năm 1962

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế... XXXXXXXXXX

ngày... tháng... năm... XXXXXXXXXXXXXXX

tại... XXXXXXXXXXXXXXX

Trích y bản chính

An - hội, ngày 21 tháng 5 năm 1962

Viên chức Hộ tịch,

Nguyễn-văn-Mạnh

Chứng thật chữ ký ngang
dây của Ông H.V.Hạ-Tịch
Đại-Diện-Kh

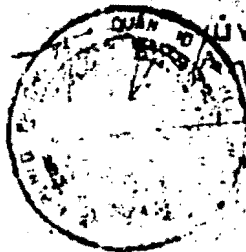
TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm ba mươi bảy (1937)

Tên, họ đứa nhỏ.	Nguyễn Minh Hoàn
Phối.	Masculin
Ngày sanh.	le onze Janvier mil neuf cent trente-sept à 5h30
Nơi sanh.	Saigon, rue Ch. Laubat No.131
Tên, họ người Cha.	Nguyễn Văn Thới
Nghề-nghiep.	Surveillant des Services Penitentiaires
Nơi cư-dw.	Saigon, rue Durantou No.55
Tên, họ người mẹ.	Nguyễn thị Yên
Nghề-nghiep.	sans profession
Nơi cư-ngv.	Saigon, rue Durantou No.55
Vợ chánh hay thứ.	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH: K/6

Saigon, ngày 28 tháng 8 năm 1965

T.Đ.N. ĐÓ-TRƯỞNG SAIGON
TRƯỞNG-PHÒNG HỘ-TỊCHTRẦN-MANH QUÝ
PhóMIỄN LỆ PHÍ
ĐỂ NHẬP VÀO HỒ SƠ QUÂN NHƠN

CỘNG HÒA
BỘ TƯ-PhÁP
TƯ-PhÁP NAM-Phân

Trích-lục văn-kiện thổ-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng
Toà PHÂN PHỐI

PHÂN PHỐI
Số 6.7.1940
Thị trấn MI 76
Nguyễn thị Hoa
Số 420

Một bản chính giấy thổ-vi MI 76
do cho: Nguyễn thị Hoa
ở HOANG KHU Chánh-Án Toà MI 76
với tư cách Thăm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 17.3.1943
và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc Văn bản của Hội đồng
ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chính-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân
Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Cảnh-Crim của Hội đồng
Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quạt và
chắc rằng :

HOANG KHU, sinh ngày 17.3.1943 ở thị trấn
(MI 76) còn ở Bãi Văn Hai (ở vị Nguyễn thị Hoa).

Lệ phí: MI 76

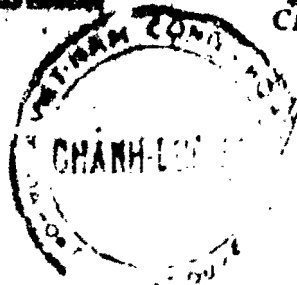
(1) Lập lại số, ngày tháng
và năm in đây rồi
khi xin trích-lục.

HOANG KHU

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÍNH:

MI 76, ngày 17 tháng 3 năm 1943

CHÍNH LỤC



MI 76

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH ĐỊNH-TƯỚNG
QUẬN
Xã hau-Thành
-rung-an
Số hiệu: 417

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 16 tháng 12 năm 1971



Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN-THIỆN-HƯƠNG
Con trai hay con gái : NỮ
Ngày sanh : Ngày 10 tháng 12 năm 1971
Nơi sanh : Xã -rung-an
Tên họ người cha : Nguyễn Minh-Hoàn
Tên họ người mẹ : Nguyễn Thị-Hoa
Vợ chánh hay không có hôn thú : Vợ chánh
Tên họ người đứng khai : Nguyễn Minh-Hoàn

Số 3004
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường

Ngày 23 tháng 01 năm 1980

UBND PHƯỜNG

TRUNG-AN



Nguyễn Thị Hoàn

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

ngày 16 tháng 12 năm 1971

TRUNG-AN VIỆN CHỨC HỘ-TỊCH
Xã -rung-an/ Số 60

Cam Anh

Nguyễn Thị Hoàn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIA-ĐÌNH

XÃ HẠNH THỐNG

BỒN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1973

Số hiệu : 572

Tên, họ đầu nhĩ	Nguyễn thị Tô Uyên
Phái	Nữ
Sanh (ngày, tháng, năm)	Mười bốn tháng tư năm 1973
Tại	Hạnh thống Xã
Cha (Tên, họ)	Nguyễn minh Hoàn
Nghề	Quản nhân
Cư trú tại	Gổ Vấp
Mẹ (Tên, họ)	Nguyễn thị Hoa
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Gổ Vấp
Vợ (Chính hay thứ)	Vợ chánh

KIỆN-1
XÃ-THU

Trích y bản chính :
HẠNH THỐNG ngày 23 tháng 04 năm 1973
tr.vấn bộ tcm

MIỄN THỊ THỰC C
(72. Thôn/Tổ/Huê/Huyện)
Số đăng/ĐVT/1973
Ngày 03/04/1973

MIỄN THỊ THỰC C

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số
Ngày 3-8-70.

NGUYỄN VĂN KHEN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN MÃ-BÌNH

XÃ PHÚ-NHUẬN

Số hiệu 873

LÀ ĐƠN KINH TẾ
KINH TẾ ĐƠN KINH TẾ ĐƠN
KINH TẾ ĐƠN KINH TẾ ĐƠN

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 18 tháng 09 năm 1974 KT-20B

Tên họ đứa trẻ . . .	Nguyễn-Vinh-Thành
Con trai hay con gái	Nam
Ngày sinh . . .	Ngày mười hai tháng chín dương-lịch năm ngon chín trăm bảy mươi bốn n12245
Nơi sinh . . .	Phủ-Nhuyễn Trại Trần-Hưng-Dạo
Tên họ người cha . .	Nguyễn-Vinh-Hoàn
Tên họ người mẹ . .	Nguyễn-Thị-Hoa
Vợ chánh hay không có hôn thê . . .	Vợ Chánh
Tên họ người đứng khai .	Nguyễn-Vinh-Hoàn



ĐỒ DẪN ĐƠN

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Phủ-Nhuyễn Trại 20 tháng 09 năm 1974



NGUYỄN-THÀNH-HÙNG

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM Định-Tường
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH làng Điều-Hồ, Mỹ Tho
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1961
(Année)

SỐ HIỆU 3117
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn Văn Hùng
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	nam
Sinh ngày rằm (Date de naissance)	5-9-1961
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Hào Sinh Viên, Định-Tường
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	//
Cha làm nghề gì (Sa profession)	//
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	//
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn Thị Hai
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Đặt trẻ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Đường IV, Định-Tường
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	//

- Nguyễn Văn Hùng, khai sinh số hiệu 3117, tại bên đã được Nguyễn Văn Đơ và Nguyễn Thị Hai, đến trước mặt là con chúng, đồng thời được chứng minh là con đẻ của ông và bà Nguyễn Văn Đơ và Nguyễn Thị Hai, sinh ngày 5-9-1961 tại Hào Sinh Viên, Định-Tường, từ nay trở về làm con đẻ của ông và bà là Nguyễn Văn Hùng.

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

_____ ngày _____ 197

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Handwritten signature

Giá tiền: _____

(Coût) 15

Biên-lai số: _____

(Quittance No)

_____ ngày 10-10-1962

_____ Chánh LỤC-SỰ, tại _____

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiến-Hòa

QUẬN Trúc-Giang

THỊ-TRẠNG An-Hội

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM 1969

SỐ HIỆU 1060

Tên họ ấu nhi	Trần thị Thu-Hà
Phái	Nữ
Sanh ngày	Mười lăm tháng năm năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín.
Nơi sinh	Bảo-Sanh Kiến-Hòa
Tên họ cha	Trần-văn-Lãnh
Nghề nghiệp	Quân Nhân
Cư sở tại	KBC. 4245
Tên họ mẹ	Trần-thị-Mốt
Nghề nghiệp	Làm ruộng
Cư sở tại	An-Hội Kiến-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh

nhân chứng chữ ký của

ỦY-BAN HÀNH CHÍNH XÃ

Thị-Hòa, ngày tháng năm 1969

T. C. TỈNH TRƯỞNG

SAO Y BỘ CHÁNH

An-Hội ngày 19 tháng 5 năm 1969

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ỦY-BAN HÀNH CHÍNH XÃ
THỊ-TRẠNG AN-HỘI
C. AN-T. TR. GIANG
Viên Hộ-Tịch,
Phan-Văn-Hiến
PHAN-VĂN-HIỆN

TOA
HÀNH CHÁNH
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH KIẾN HOA

XÃ A

QUẬN THỊ

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm 1965

Số hiệu

Tên, họ đủ nhì	QUYÊN - THỊ - PHÍ
Phái	Nữ
Sinh ngày	Hai mươi ba tháng chín năm 1965
Nơi sinh	Đoàn - xã Núi - Lồi, Kiên - Hòa
Tên, họ cha	NGUYỄN - MINH - HOÀN
Nghề nghiệp	Quản - nhân
Cư sở tại	ĐC. 4395
Tên, họ mẹ	QUYÊN - THỊ - HOÀ
Nghề nghiệp	Quản - Viên
Cư sở tại	ĐC. 401, Kiên - Hòa
Vợ chính hay vợ thứ	ĐC. 401

SAO Y BỘ CHÍNH

ngày 27 tháng 6 năm 1965

Văn - phòng Hộ - tịch,

ĐC. 401 ch 43,

Số hiệu: _____

KHAI SANH

Tên, họ sau sinh: Nguyễn-Thị-Trúc-Ki

Giới: Nữ

Ngày khai sinh: 19 tháng I năm 1963

(Ngày, tháng, năm)

Tên khai sinh: Bảo sanh Nhơn Hòa Kiến-hòa

Cha: Nguyễn-Sinh-Hoàn

(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi bốn tuổi

Nghề: Sinh viên Sĩ quan

Cư trú tại: An-hội Kiến-hòa

Mẹ: Nguyễn-Thị-Hoa

(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi tuổi

Nghề: Giáo viên

Cư trú tại: An-hội Kiến-hòa

Vợ: Vợ chánh

(Chánh hay thứ)

Người khai: Nguyễn-Thị-Trúc

(Tên, họ)

Tuổi: Năm mươi tám tuổi

Nghề: Làm vườn

Cư trú tại: An-hội Kiến-hòa

Ngày khai: 19 tháng I năm 1963

Người chứng thứ nhất: Nguyễn-Châu-Vân

(Tên, họ)

Tuổi: Bốn mươi ba tuổi

Nghề: Công chức

Cư trú tại: An-hội Kiến-hòa

Người chứng thứ nhì: Nguyễn-Hoàng-Việt

(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi bốn tuổi

Nghề: Công chức

Cư trú tại: An-hội Kiến-hòa

Lập tại xã

An-hội

, ngày

19 / I / 1963

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng,

Ký tên: Trúc, Ấn ký: Nguyễn-Vân-Vân, Ký tên: Vân, Việt

thực chữ ký ngang

Sao lục y bộ đời

Ông U.V. Hộ-Tịch

An-hội, ngày 3/5/1963

Độc-Điện-Xã,

Hội-Viên Hộ-Tịch

[Signature]

KHAI SINH

S. hiệu 106

Tên họ ông nội :	NGUYỄN-THI-TÔ-MỸ
Tên họ bà nội :	NỮ
Sinh ngày, tháng, năm, ngày mười ba, tháng hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (13.2.1968)	
Tên họ Cha :	Phong-tan, Phước-Lộc
Tên họ Mẹ :	NGUYỄN-MINH-HOÀN
Tuổi :	31 tuổi
Nghề nghiệp :	Quan-nhân
Cư trú tại :	KBC, 4.061
Tên họ Mẹ :	NGUYỄN-THI-HOÀ
Tuổi :	24 tuổi
Nghề nghiệp :	Nội-trợ
Cư trú tại :	Phong-tan, Phước-Lộc
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Tên họ người khai :	NGUYỄN-MINH-HOÀN
Tuổi :	31 tuổi
Nghề nghiệp :	Quan-nhân
Cư trú tại :	KBC, 4.061
Ngày khai :	Ngày hai mươi, tháng hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (20.2.1968)
Tên họ người chứng thứ nhất :	HUỖNH-MINH
Tuổi :	31 tuổi
Nghề nghiệp :	Quan-nhân
Cư trú tại :	KBC, 3.130
Tên họ người chứng thứ hai :	NAI BAY
Tuổi :	38 tuổi
Nghề nghiệp :	Nông
Cư trú tại :	Quang-hy, Phước-Lộc

Nhà 1B LƯU THÁI 254 Phan Bội Châu QUẢNG NAM

Làm tại Phước-Lộc ngày 20 tháng 2 năm 1968

Người khai

NGUYỄN-MINH-HOÀN (ký tên)

Mã tại

Ký NGUYỄN-CHI-NHƯ

Nhân chứng

1-HUỖNH-MINH

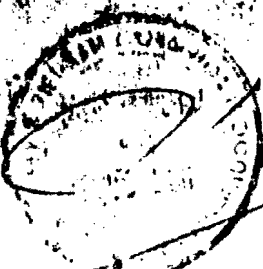
2-NAI BAY

PHUNG TRÍCH LỤC (đóng ký tên)

Phước-Lộc, ngày 22 tháng 2 năm 1968

Chủ tịch kiêm Ủy viên Hộ tịch

Nguyễn ghi nhận
22/2/68



[Handwritten signature]

KHAI SINH

Số hiệu

BẢN TÀI NHA IN LIÊN-THAI-QUÊ-NHƠN

Tên họ Sơ nhi :	NGUYỄN - MINH - NHÂN
Phái :	Nam
Sinh ngày, tháng, năm :	Hai, mười chín, tháng mười một, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (29-11-1969)
Tên họ Cha :	NGUYỄN - MINH - HOÀN
Tuổi :	Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề nghiệp :	Quân nhân
Cư trú tại :	K.B.C 4.061
Tên họ Mẹ :	NGUYỄN-THỊ-HUÀ
Tuổi :	Hai mươi sáu tuổi (26)
Nghề nghiệp :	Nội-trợ
Cư trú tại :	Phong-Tân, Phước-Lộc, Tuy-Phước
Vợ (chánh hay thứ) :	Vợ chính
Tên họ người khai :	NGUYỄN MINH HOÀN
Tuổi :	Ba mươi hai tuổi (32)
Nghề nghiệp :	Quân nhân
Cư trú tại :	K.B.C 4.061
Ngày khai :	Ngày bốn, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (04-12-1969)
Tên họ người chứng thứ nhất :	TRẦN - DI
Tuổi :	Ba mươi tám tuổi (38)
Nghề nghiệp :	Nông
Cư trú tại :	Trung-Thành, Phước-Lộc, Tuy-Phước
Tên họ người chứng thứ nhì :	NGUYỄN CƯ
Tuổi :	Hai mươi một tuổi (21)
Nghề nghiệp :	Nông
Cư trú tại :	Vĩnh-Thạnh, Phước-Lộc, Tuy-Phước

Làm tại Phước Lộc, ngày 04 tháng 12 năm 1969

Người khai

Họ lại

Nhân chứng

NGUYỄN MINH HOÀN (ký)

Ký tên NGUYỄN VĂN TÂN (và dấu)

1. TRẦN DI
2. NGUYỄN CƯ
(đồng ký)

PHỤNG TRÍCH LỤC

Phước-Lộc ngày 04 tháng 12 năm 1969

CHỨC-THỰC

Giữ ký của Ông NGUYỄN VĂN TÂN
Là Ủy-Viên Hộ-Tịch Xã Phước-Lộc
Tuy-Phước, ngày 4 tháng 12 năm 1969
K.T Quận-Tuấn, Quận Tuy-Phước

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

NGUYỄN-VĂN-TÂN

NGUYỄN-HUÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố

Quận, Huyện

Xã, Phường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số 01

Số 54 1/88

CHỨNG NIỆN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ NGUYỄN THỊ TỐ ÁI

Sinh ngày 14-01-1963

Quê quán

Nơi đăng ký thường trú 242 F. Ngã 5

đường xã Bình Hòa, Bến Tre

Nghề nghiệp Làm vườn

Dân tộc Khmer Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 220564261

Họ và tên người chồng NGUYỄN VĂN HÙNG

Sinh ngày 09-09-1961

Quê quán

Nơi đăng ký thường trú 162 B Nguyễn

văn Bình, phường 5, thị xã Bến Tre

Nghề nghiệp Làm vườn

Dân tộc Khmer Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 220029455

Kết hôn ngày 21 tháng 01 năm 1988

Chữ ký người vợ

[Chữ ký]

Chữ ký người chồng

[Chữ ký]

UBND PHƯỜNG 5

TM/UBND **THỊ XÃ BẾN TRE**

UBND PHƯỜNG 5

PH - TỊCH

[Chữ ký]

[Chữ ký]

[Chữ ký]

[Chữ ký]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~320530353~~

Họ tên: NGUYỄN MINH TRÍ

Sinh ngày: 1965

Nguyên quán: Xã Mỹ Thạnh An,

Thị Xã Bến Tre.

Nơi thường trú: 74, Mỹ Thạnh
An, Thị Xã Bến Tre.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi cách 1,5cm
trên sau cánh mũi
trái.

Ngày 17 tháng 09 năm 1980

KIỂM DẤU HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÒNG CÔNG TY

TRẦN VĂN CHIẾN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022485512**

Họ tên **NGUYỄN TRIỂN HƯƠNG**

Sinh ngày **10-12-1971**

Nguyên quán **Tây Ninh**

Nơi thường trú **288/20 Hoàng
Q.10, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT KIỂM HOẶC DẤU HÌNH

Sọc công 7cm c, 3cm
trên sau dấu máy trái

Ngày 2 tháng 3 năm 1986

GIÁM ĐỐC CÔNG TRƯỜNG TY CÔNG AN



Phạm Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 320727742

Họ tên TRẦN-THỊ-THU-HÀ

Sinh ngày 15-05-1969

Nguyên quán Xã Phú khương,
Thị xã Ben tre.

Nơi thường trú 391B Phú khương,
Thị xã Ben tre.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chấm cách 1,0cm
trên sau mep phải.

Ngày 15 tháng 04 năm 1986

CHỖ CHẤM DẤU HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN



Handwritten signature: *Trần Văn Công*



CHÍNH QUẢN LÝ CÔNG AN
HỘI ĐỒNG
CÁI LẬU - BÌNH DƯƠNG

Đang An,
Ban Tre
Nổi danh ở 22 Mỹ Thạnh
An dân Xã Bón Tre.

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm cách 1,5cm
trên sau cánh mũi
phải

Ngày 29 tháng 06 năm 1989

CHỖ DẤU VẾT RIÊNG HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN



Handwritten signature and date: 7/12
Handwritten text: Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 20797015

Họ tên: NGUYỄN-THỊ-TỔ-UYÊN



Sinh ngày 20/7/1973

Nguyên quán xã Mỹ Thạnh An,
Thị xã Bến Tre.

Nơi thường trú 212F Mỹ-T-an,
Thị xã Bến Tre.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,5cm cách
1,3cm dưới trước cạnh
mũi phải.

07 tháng 04 năm 1988



NGÓN TRỎ PHẢI



PHÓ TRƯỞNG TY CÔNG AN

Guang Ngoc

- Tận tâm: khoe ngoài
mặt trái.

31
45

17
KIẾN-HÒA, 30-12-1970
Trưởng-Ty Cảnh-Sat Quốc-Gia,

TRẦN-KHẮC-KHOAN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số ~~00055869~~

Họ tên NGUYỄN-THỊ-HOÀ

Sinh ngày 17-03-1943

Nguyên quán Xã Mỹ Thạnh An
Thị xã Bến Tre.

Nơi thường trú 74A Mỹ Thạnh
An, Thị xã Bến Tre.

Dân tộc: **Kinh** ... Tôn giáo: **Không**



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 2cm
dưới trước mép phải

Ngày tháng 06 năm 1978



PHÒNG CÔNG TY

PHÒNG CÔNG TY

Handwritten signature

TRẦN VĂN CHIẾN